TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Quế

Ông Hoàng Hào

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Đặng Thị Phương N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa:

I. Nguyên đơn: Công ty P2 (Viết tắt là Công ty P2). Người đại diện theo pháp luật: Bà Elizabeth L – Giám đốc. Địa chỉ: Số A đường S, K, 18th F, U, N, Hong Kong.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lạc Thị Tú D; Ông Trần Văn P; Bà Lê Vũ Ngọc T. Cùng địa chỉ: Công ty L3 và các Cộng sự - Phòng 603, tầng 6, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Bị đơn: Công ty cổ phần P3. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L1 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Tuấn H - Luật sư thuộc Văn phòng L4. Địa chỉ: Tổ dân Phố L thị trấn Cát Thành T Ninh N.

III. Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thu P1, sinh năm 1989 – Thành viên Công ty TNHH P3.

2. Bà Dương Lệ M; sinh năm 1997; địa chỉ: A L, phường F, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Lạc Thị Tú D; ông Trần Văn P; ông Chu Tuấn H; bà Dương Lệ M có mặt. Bà Trần Thị Thu P1; bà Lê Vũ Ngọc T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-09-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty P2; người đại diện theo ủy quyền của Công ty P2 trình bày: Nhiều năm qua, giữa Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 có mối quan hệ khách hàng thân thiết. Trước khi xảy ra tranh chấp, Công ty P2 đã giao dịch và bán thành công cho Công ty cổ phần P3 nhiều các đơn hàng dầu hỏa/nhiên liệu thông qua hình thức trao đổi và xác nhận mua bán hàng qua điện thoại, Z, email. Cụ thể gồm: 02 đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và email vào tháng 10-2020. Công ty P3 đã hoàn tất thanh toán cho Công ty P2 căn cứ theo điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2010023 và hóa đơn INV-2010048 ngày 23-11-2020 *(có E xác nhận đơn hàng Công ty P2 gửi cho Công ty P3 vào ngày 14-10-2020; E xác nhận đơn hàng P2 gửi cho P vào ngày 23-10-2020; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 13-10-2020; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 23-10-2020; hóa đơn INV-2010023 đề ngày 20-10-2020; hóa đơn INV-2010048 đề ngày 30-10-2020; điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2010023 và hóa đơn INV-2010048 ngày 23-11-2020 là căn cứ).* Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và email vào tháng 11-2020. Công ty P3 đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2011070 ngày 29-12-2020; *(có tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng P2 gửi cho P vào ngày 24-11-2020; hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 24-11-2020; hóa đơn INV-2011070 đề ngày 30-11-2020; điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2011070 ngày 29-12-2020 là căn cứ).* Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và email vào tháng 7-2021. Công ty P3 đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2107032 ngày 13-8-2021; *(có tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng P2 gửi cho P ngày 06-7-2021; Email P2 gửi Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển ghi tháng 6-2019 vào ngày 05-7-2021; hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 02-7-2021; hóa đơn INV-2107032 đề ngày 16-7-2021; điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2107032 ngày 13-8-2021 là căn cứ).* Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và email vào tháng 01-2022. P đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2201015 ngày 19-01-2022; *(có tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng P2 gửi cho P3 vào ngày 01-01-2022; Email P2*

gửi Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 vào ngày 03-01-2022; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 02-01-2022; hóa đơn INV-2201015 đề ngày 07-01-2022; điện thanh toán thành công của hóa đơn INV-2201015 ngày 19-01- 2022 là căn cứ).

Tương tự những giao dịch trên, ngày 10-8-2022, bà Trần P1 là đại diện của Công ty P3 đã gửi tin nhắn qua Zalo cho bà M là đại diện của Công ty P2 yêu cầu báo giá đơn hàng mua bán nhiên liệu tàu biển cho tàu nhận hàng mang số hiệu MV. P, cảng nhận hàng là Singapore EOPL, số lượng nhiên liệu mua dự kiến là 100 tấn *(có các tin nhắn Zalo ngày 10-8-2022 trao đổi giữa bà Trần P1 là đại diện của Phú A và bà M là đại diện của I là căn cứ).* Ngày 12-8-2022, đại diện của I đã nhắn tin qua Zalo gửi báo giá cho đại diện của P với đơn giá 950 USD thuộc chủng loại MGO cho 100 tấn. Theo đó, đại diện của Phú A xác nhận đơn hàng với đại diện của I qua Zalo với nội dung: *"Firm đó làm đi"* vào lúc 16:51 phút cùng ngày. *(Có các tin nhắn Zalo trao đổi giữa bà Trần P1 – đại diện của Công ty P3 và bà M – đại diện của P2 ngày 12-8-2022 là căn cứ).* Liền sau đó trong cùng ngày, I đã tiến hành đặt hàng với số lượng tương ứng cho tàu nhận hàng MV. Phu An 36 với nhà cung cấp E2 ("**Eminence**"). *(Có Giấy xác nhận bán hàng số IDF/EOT/010/22 của Eminence cho I.)*

Ngày 15-8-2022, đại diện của I đã một lần nữa, sử dụng email hcmmarketing@P2.comemail xác nhận đơn hàng đến email đại diện của P phuongtran@phuanshipping.vn Nội dung đơn hàng cụ thể như sau: P2 đồng ý bán và P đã đồng ý mua 80 - 120 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 950 USD thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Tàu nhận hàng là MV. P. Cảng nhận hàng là Singapore EOPL, ngày giao hàng là từ ngày 19-8-2022 đến ngày 23-8-2022. P sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho I trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng. *(Sau đây gọi tắt là "**Đơn Hàng**".) (Có tin nhắn của bà M – đại diện của I gửi cho bà Trần P1 – đại diện của P vào ngày 15-8-2022 là căn cứ.)*

Ngày 16-8-2022 I sử dụng email account@P2.comhợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 "**Hợp đồng**" và đính kèm theo là điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 ("**Điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển**") đến email của P Phuanshipping@vnn.vnCác nội dung tại Điều 2 của Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển hoàn toàn giống với nội dung mà các bên đã trao đổi qua Zalo vào ngày 12-8-2022 đề cập tại Mục 1.3 nêu trên *(Có email I gửi cho P vào ngày 16-8-2022; hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 06-2019 là căn cứ)*. Tuy nhiên, ngày 17-8-2022, đại diện của P đã gửi tin nhắn qua Zalo cho đại diện của I để thông báo về việc hủy bỏ đơn hàng nêu trên với lý do tàu nhận hàng MV. P thay đổi lịch trình.

Sau đó, đại diện của I đã thông báo qua Z cho đại diện của Phú A rằng I

đã đặt hàng cho tàu nhận hàng MV. Phu An 36 với E1 và một khi P4 hủy bỏ đơn hàng của tàu nhận hàng thì I sẽ phải hủy đơn hàng tàu nhận hàng MV. P với E1, cụ thể trong tin nhắn Zalo từ đại diện của I1 gửi P đã thể hiện rằng: *"Lô này bị charge phí cancel chị ạ…"; "Bị charge là chắn chắn, bên chị hỗ trợ phí charge chứ bên em không chịu hết được"; "Đơn nào cancel cũng phải xác báo để supplier charge phí chị ạ"; "Giữa hợp đồng với supplier là có điều kiện cancel phải charge phí nên là nó có quyền charge phí chị ạ". (Có các tin nhắn Zalo và các email trao đổi giữa bà Trần P1 – đại diện của P và bà M – đại diện của I vào ngày 17-8-2022 là căn cứ)*

Dù đã được thông báo như trên, đại diện của P vẫn nhất quyết đơn phương hủy bỏ đơn hàng và không đồng ý thanh toán các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. Cụ thể, ngày 17-8-2022, đại diện của Phú A đã sử dụng email phuongtran@phuanshipping.vnđến email của đại diện của I hcmmarketing@P2.comvới nội dung xác nhận hủy đơn hàng vì tàu nhận hàng thay đổi lịch trình được hiểu theo Tiếng Việt là *"Như kế hoạch đầu tiên, tàu MV PHU AN 36 sẽ đi từ Belitung đến cảng OPL S để lấy nhiên liệu, sau đó đi về Hải Phòng. Nhưng sau khi kiểm tra lại tàu sẽ mất hơn một hoặc hai ngày nếu tàu đến cảng OPL Singapore để lấy nhiên liệu (bao gồm: di chuyển và bốc hàng), bên thuê tàu đã yêu cầu tàu phải đi thẳng từ Belitung đến Hải Phòng để dỡ hàng và để tránh tranh chấp về hàng hóa. Vì vậy, chúng tôi muốn hủy bỏ đơn đặt hàng"). ("**Email Hủy Đơn Hàng**").*

Vì vậy, ngày 18-8-2022, I sử dụng email account@P2.comgửi thư điện tử đính kèm hóa đơn số INV-2208027 đến địa chỉ thư điện tử của P là Phuanshipping@vnn.vncầu P thanh toán cho P2 tiền phí hủy bỏ đơn hàng. Hạn chót cho việc thanh toán tiền phí hủy bỏ đơn hàng là 5 giờ chiều ngày 18-8-2022 theo giờ Hồ N. *(Có thư điện tử yêu cầu thanh toán tiền phí hủy bỏ đơn hàng của I vào ngày 18-8-2022).*

Vì Phú A đã hủy bỏ đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P với I nên I phải hủy đơn hàng của tàu nhận hàng MV. P với E1. Ngày 19-8-2022, E1 đã gửi hóa đơn số INV1026/22 yêu cầu P2 thanh toán tiền phí hủy đơn hàng là 3.888 USD và I đã thanh toán tiền phí hủy đơn hàng cho E1 theo hóa đơn số INV1026/22 nêu trên. *(Được thể hiện bằng hóa đơn số INV1026/22 và Ủy nhiệm chi).* Đến nay, I vẫn không nhận được bất kỳ khoản bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng nào từ P.

Tiếp tục, I đã cử Công ty L3 và các cộng sự nhiều lần trao đổi và gửi thư yêu cầu đến P vào các ngày 24-8-2022 và ngày 01-9-2022, yêu cầu P thực hiện nghĩa vụ bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. *(Được thể hiện bằng giấy ủy quyền và thư yêu cầu về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng)*. Sau khi nhận được thư yêu cầu và thư điện tử trao đổi, Phú A đã xác nhận qua điện thoại rằng đã nhận được thư yêu cầu cũng như thư điện tử, đồng thời xác nhận có sự hủy bỏ đơn hàng và Phú A phản hồi rằng không đồng ý bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ

đơn hàng.

Ngày 27-12-2022, I đã nộp đơn khởi kiện P tại trung tâm T2 (V) để yêu cầu P phải bồi thường tương đương với số tiền thiệt hại mà I phải gánh chịu tại Mục 1.13 bên trên.

Ngày 24-7-2023, I nhận được quyết định về thẩm quyền của Vụ tranh chấp số 168/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc trung tâm T2 đề ngày 20-7-2023 ("**Quyết định về thẩm quyền**"). Theo đó, Hội đồng Trọng tài quyết định Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Công ty P2 và Công ty Cổ phần P3 phát sinh từ hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 vì thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 và thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 25 của điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển không có hiệu lực đối với Phú A và; **(ii)** Hội đồng Trọng tài quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp số 168/22 HCM.

Nhận thấy hành vi hủy bỏ đơn hàng của P đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với I, không còn lựa chọn nào khác, I buộc phải khởi kiện P tại Tòa án có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của I theo quy định của pháp luật hiện hành.

P2 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định buộc P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là **10.000 USD (*Mười ngàn đô la Mỹ),*** tương đương **239.900.000 VND *(Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng)*** (1 USD = 23.990 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng V1 vào ngày 14-8-2023), cụ thể bao gồm:

Buộc P phải có trách nhiệm bồi thường cho I **3.888 USD** *(Ba ngàn tám trăm tám mươi tám đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

Buộc Phú A phải có trách nhiệm bồi thường cho I **3.840 USD** *(Ba ngàn tám trăm bốn mươi đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi đơn phương hủy bỏ đơn hàng và Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển của P.

Buộc Phú A phải có trách nhiệm bồi thường cho I **2.272 USD** *(Hai ngàn hai trăm bảy mươi hai đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

Vì thực tế giao dịch đã diễn ra, theo tiền lệ thì việc mua bán đã giao dịch thành công trước đó. Do vậy đề nghị Công ty P3 phải có trách nhiệm bồi thường cho P2 các khoản tiền như đề nghị trên.

II. *Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Chu Tuấn H trình bày:* Theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn phải bồi thường 10.000 USD cho việc vi phạm hợp đồng cũng như các thiệt hại xảy ra với lý do. Ngày 12-8-2022 đại diện của

Công ty cổ phần P3 được tin nhắn qua zalo cho bà M đại diện của I báo giá đơn hàng mua nhiên liệu tàu biển cho đơn hàng MV Phu An 368. Sau đó bà M gửi email đến xác nhận đơn hàng đến email của bà Trần P1 (xác nhận cổ phần P mua từ 100 tấn nhiên liệu tàu biển với giá 950 USD thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Tàu nhận hàng là tàu MV.Phu An 368. Cảng nhận hàng là Singgapo EOPL. Ngày giao hàng là ngày 19-8-2022 đến ngày 23-8-2022. Thời hạn thanh toán cho đơn hàng là 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Nguyên đơn tiếp tục cho rằng: Ngày 19-8-2022 sau khi đàm phán hai bên tiếp tục giảm giá đơn hàng xuống cụ thể như sau: Indofules đã đồng ý bán và Công ty Cổ phần P3 đồng ý mua 100 tấn nhiên liệu thành tiền 950 USD/tấn thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Ngày giao hàng là ngày 19-8-2022 đến ngày 23-8-2022. Thời hạn thanh toán cho đơn hàng là 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Tuy nhiên đến ngày 17-8-2022 bà Trần P1 đại diện cho vận tải P3 huỷ hợp đồng và bà M đại diện cho I đã nhận được văn bản này. Phía nguyên đơn cho rằng: Công ty cổ phần P3 phải bồi thường 10.000 USD do việc phá vỡ hợp đồng đặt hàng trên vì bên P2 đã phải thanh toán cho bên E1 để đặt hàng số tiền 3888 USD. Phía Công ty cổ phần P3 cho rằng. Đối với yêu cầu khởi kiện đòi 10.000 USD của Công ty P2 hiện uỷ quyền cho Công ty L3 khởi kiện là không có căn cứ bởi các lý do sau: Cần xác định rõ chủ thể khi được ký hợp đồng trong kinh doanh, trong vụ án này xét yêu cầu bồi thường thì thấy. Đại diện công ty P2 (địa chỉ tại số A đường S, K, 18 F ,U, North Point H) do bà Elizabeth L là người đại diện theo pháp luật. Trong vụ việc này bà Elizabeth L không đàm phán trực tiếp, không có giao dịch nào với Công ty cổ phần P3 qua người đại diện theo pháp luật. Xét các quy định của pháp luật thì thấy: Những người có thẩm quyền cao nhất (là người đại diện theo pháp luật) không tiến hành giao dịch với nhau. Xét về việc giao dịch của bà Trần P1 và bà M (cả hai người đều không được phân công, không có Giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật) để được đứng ra đàm phán thay mặt Công ty mua bán nhiên liệu. Quá trình đàm phán hai bên không tuân thủ bất kỳ quy định nào của pháp luật Việt Nam về hợp đồng cũng như pháp luật Singgapo về hợp đồng giao dịch mua bán hàng hoá. Từ trước đến nay hai Công ty cũng không ký bất kỳ một điều khoản nào cho phép các bên coi giao dịch của email và zalo của các cá nhân đương nhiên là hợp đồng. Việc bà P1 giao dịch với bà M không tuân theo bất kỳ điều kiện nào của hợp đồng kinh doanh thương mại. Luật dân sự 2015 cũng như Luật giao dịch điện tử 2005. Do đó không đủ cơ sở để cho rằng giữa hai công ty Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 phát sinh hợp đồng cho nên không có căn cứ xác định việc bồi thường, việc phạt hợp đồng và các căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán nhiên liệu. Công ty cổ phần P3 khẳng định: Không có bất kỳ một hợp đồng mua bán nhiên liệu nào được ký bởi người đại diện theo pháp luật giữa hai công ty là Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 cho nên không là căn cứ làm phát sinh quyền bồi thường thiệt hại như phía nguyên đơn yêu cầu. Các căn cứ về zalo về email phía nguyên đơn đưa ra nộp cho Toà án đều là của những người không đại diện cho công ty và đều bản pho to không chứng thực không có đủ cơ sở chứng minh nghĩa vụ

bồi thường giữa các bên. Đề nghị Toà án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Vì chưa xác lập hợp đồng giữa hai bên, thỏa thuận trong vụ án là giữa cá nhân với nhau mà không được sự đồng ý của lãnh đạo công ty, không có thiệt hại thực tế.

III. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2024 bà Trần Thị L1 Giám đốc Công ty cổ phần P3 trình bày: Công ty cổ phần P3 có 03 thành viên là ông Trần Văn H1, bà Trần Thị L1 và bà Nguyễn Thị L2 trong đó bà Trần Thị L1 là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty, ông H1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Bà Trần Thị Thu P1 không phải là thành viên Công ty cổ phần P3 mà là thành viên góp vốn của Công ty TNHH P3. Theo như hồ sơ trước đây thì Công ty cổ phần P3 có giao dịch mua bán nhiên liệu với Công ty P2 và có việc thanh toán trước đây giữa hai Công ty. Các giao dịch trước đây diễn ra cụ thể như sau: Chúng tôi nhắn tin qua zalo hoặc email của cá nhân để hỏi giá Công ty P2, sau đó Công ty P2 báo giá cho chúng tôi qua zalo hoặc email của cá nhân T1.Phuanshipping@gmail.comzalo có số điện thoại của tôi là 0936701679. P2 cử bà M (tôi không biết họ tên, không biết địa chỉ cụ thể của bà M chỉ biết bà M sống ở thành phố Hồ Chí Minh) có số điện thoại zalo là 0708081966. Sau khi đặt hàng Công ty P3 sẽ điều tàu tới địa điểm đã đặt để nhận dầu nếu đủ hàng theo yêu cầu và không có phát sinh tranh chấp gì thì sẽ ký vào biên bản nhận dầu. Sau khi có biên bản nhận dầu có chữ ký của thuyền trưởng thì biên bản này sẽ được gửi về cho Công ty cùng với hóa đơn của I là căn cứ để thanh toán tiền dầu. Đến hạn thanh toán thông thường là 30 ngày sau ngày cấp dầu thì Công ty sẽ thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản. Chưa bao giờ hai bên Công ty ký kết hợp đồng với nhau, Công ty P3 chưa bao giờ nhận được hợp đồng của I về việc hai bên thỏa thuận mua bán nhiên liệu. Ngày 10-8-2022 không có việc Công ty P3 cử bà Trần Thị Thu P1 nhắn tin cho bà M nhận báo giá của Công ty P2, việc bà P1 nhắn tin cho bà M hỏi giá của Công ty P2 là với tư cách cá nhân chứ không có việc ủy quyền của Công ty P3 cho bà Trần Thị Thu P1 tham gia giao dịch với I. Bà P1 sử dụng zalo cá nhân để nhắn tin báo giá cho bà M. Sau khi nhận tin nhắn của bà P1 ngày 12-8-2022 thì bà M nhắn báo giá dầu MGO của I vào zalo của bà P1. Sau đó bà P1 nhắn tin lại đồng ý giá mà I đưa ra. Tôi không nhận được hợp đồng mua bán nhiên liệu nào của I gửi qua email Phuanshipping@gmail vnn.vn. do email này đã bị lỗi từ lâu, công ty không còn sử dụng email này. Chúng tôi cũng chưa bao giờ sử dụng email Phuanshipping@gmail vnn.vn. để phản hồi các tin nhắn của I. Email của Công ty P3 là info@phuanshipping.vnCông ty đã sử dụng email này từ khoảng năm 2022-2023. Quan điểm của Công ty P3 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

IV. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2024 bà Trần Thị Thu P1 là người làm chứng trong vụ án trình bày: Ngày 15-8-2022, tôi có nhận được tin nhắn nhưng không phải nội dung I đã đồng ý bán và P đã đồng ý mua 80-120 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 950 USD thuộc chủng loại MGO mà chỉ báo giá, số lượng hàng, tên tàu, thời gian giao nhận hàng, thời gian thanh toán. Theo

quan điểm của tôi I chỉ đưa ra các thông tin để tôi kiểm tra lại thông tin bản thân tôi cũng chưa phản hồi lại email này. Ngày 17-8-2022 đại diện Công ty P3 không nhắn tin cho Công ty P2 hủy bỏ đơn hàng cũng không biết thông tin gì về đơn hàng như yêu cầu khởi kiện của I, nhưng bà P1 thì có nhắn tin cho I về việc hủy bỏ đơn hàng và có nhận được tin nhắn của P2 về việc nếu hủy bỏ đơn hàng thì sẽ bị chịu chi phí kèm theo. Sau đó bà P1 cũng không nói cho đại diện P về các thông tin trao đổi giữa bà P1 và Công ty P3. Đối với việc ngày 18-8-2022 I có gửi thư điện tử đính kèm hóa đơn số INV-2208027 đến địa chỉ thư Phuanshipping@gmail vnn.vn. hay không thì tôi không biết do email này không còn hoạt động, chúng tôi đã không sử dụng tự lâu.

V. Tại bản tự khai bà Dương Lệ M trình bày: Bà có cùng quan điểm như nội dung trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện của I.

VI. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Theo thỏa thuận tại đơn hàng, Điều 2 Hợp đồng và các trao đổi tin nhắn qua Zalo, thư điện tử, Công ty P3 đã đồng ý mua Dầu MGO của P2 với ngày giao hàng là từ ngày 19/08/2022 đến ngày 23/08/2022. Tuy nhiên, vào ngày 17/08/2022, Công ty P3 đã đơn phương hủy bỏ đơn hàng và hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ nhận hàng như đã thỏa thuận tại đơn hàng và Điều 2 hợp đồng. Được thể hiện cụ thể tại các tin nhắn, thư điện tử và chính Công ty P3 cũng đã thừa nhận về vấn đề này tại Quyết định về thẩm quyền**.** Như vậy, Công ty P3 đã có hành vi vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 25 CISG 1980, Điều 3.12 Luật thương mại 2005 nên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty P2 theo quy định tại Điều 74 CISG 1980, Điều 302, 303 LTM 2005, Điều 360 BLDS 2015. Đối với thiệt hại mà Phú A gây ra bao gồm việc hủy đơn hàng I phải trả tiền cho bên cung cấp nguyên liệu theo đơn của Phú A, từ việc hủy đơn hàng dẫn đến thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Công ty P3 và thiệt hại hình ảnh, uy tín mà I phải chịu do hành vi vi phạm của Công ty P3 gây ra. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của I.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà P1 không đại diện cho Công ty cổ phần P3 thực hiện các giao dịch với Công ty P2, các tin nhắn giữa bà P1 và bà M là các trao đổi mang tính cá nhân, giữa Công ty P3 và Công ty P2 chưa bao giờ ký kết hợp đồng mua bán nhiên liệu với nhau và cũng chưa ký hợp đồng mua bán nhiên liệu ngày 12-8-2022. Nên yêu cầu khởi kiện của Công ty P2 là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Dương Lệ M có quan điểm trình bày như quan điểm của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Buộc P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ), tương đương 239.900.000 VND (Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng) (1 USD = 23.990 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng V1 vào ngày 14 tháng 08 năm 2023), cụ thể gồm:

Buộc P phải có trách nhiệm bồi thường cho I 3.888 USD (Ba ngàn tám trăm tám mươi tám Đô la Mỹ) là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

Buộc Phú A phải có trách nhiệm bồi thường cho I 3.840 USD (Ba ngàn tám trăm bốn mươi Đô la Mỹ) là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi đơn phương hủy bỏ Đơn Hàng và Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển của P.

Buộc Phú A phải có trách nhiệm bồi thường cho I 2.272 USD (Hai ngàn hai trăm bảy mươi hai Đô la Mỹ) là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty P2 có trụ sở chính tại Hồ N, không có chi nhánh, hoặc đại diện của Công ty tại Việt Nam khởi kiện Công ty cổ phần P3 có trụ sở chính tại Việt Nam, thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quá trình giải quyết tranh chấp Công ty P2 đã nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần P3 tại Trung tâm T2 (V), tuy nhiên Trung tâm T2 đã ban hành quyết định số 168/22 HCM ngày 20-7-2023 về việc đình chỉ vụ án. Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Công ty P2 và Công ty Cổ phần P3 phát sinh từ hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu Biển đề ngày 12-8-2022 vì thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 và thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 25 của điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển không có hiệu lực đối với P. Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đây được xem là "thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được". Theo quy định tại Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì "Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý; trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể

thực hiện được". Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng, do thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý đơn khởi kiện của Công ty P2 là phù hợp với quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và các Điều 30, Điều 35 và Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2].Về quan hệ pháp luật: Công ty P2 khởi kiện Công ty cổ phần P3 về việc không thực hiện Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 gây thiệt hại cho Công ty P2 nên Công ty P2 yêu cầu Công ty cổ phần P3 bồi thường thiệt hại do việc không thực hiện hợp đồng gây ra. Công ty P3 trình bày chưa bao giờ ký hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 12-8-2022 như Công ty P2 trình bày, do đó không có việc Công ty P3 không thực hiện hợp đồng nên không gây thiệt hại cho Công ty P2. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng".

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Công ty P2 có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin liên quan đến các tin nhắn của bị đơn với Công ty cổ phần P2, xét thấy trong đơn yêu cầu của Công ty P2 không đề nghị rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu cần cung cấp. Các tin nhắn được thể hiện trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp là của cá nhân tên P1, không phải là của bị đơn, bản thân bà Trần Thị Thu P1 người làm chứng trong vụ án đã xác nhận thông tin các tin nhắn này là do cá nhân bà P1 nhắn cho Công ty P2. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ này của nguyên đơn.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Do thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Trọng tài thương mại không được chấp nhận, các bên tranh chấp không cùng thuộc các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế về tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận với nhau về việc áp dụng pháp luật nước khác để giải quyết tranh chấp. Công ty P2 khởi kiện Công ty cổ phần P3 tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nên pháp luật áp dụng được xác định là pháp luật Việt Nam.

[3] Tính hợp pháp của hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022:

[3.1] Cơ sở hình thành hợp đồng: Hợp đồng mua bán nhiên liệu được hình thành trên cơ sở các cuộc trò chuyện, nhắn tin giữa các bên qua ứng dụng Zalo để thảo luận, thống nhất về giá nhiên liệu, tàu, thời gian nhiên liệu, số lượng …vv. Các tin nhắn được trao đổi theo cung cấp của nguyên đơn được thực hiện giữa bà M và bà P1. Xét thấy căn cứ điều lệ Công ty cổ phần P3 thì Công ty cổ phần P3 có 03 thành viên gồm ông Trần Văn H1, bà Trần Thị L1 và bà Nguyễn Thị L2, tại khoản 4 Điều 4 của Điều lệ Công ty cổ phần P3 xác định Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật duy nhất là bà Trần Thị L1 làm Giám đốc Công ty. Tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty cổ phần P3 quy định: "Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp Đ cho doanh nghiệĐ thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho

doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án cũng như các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật". Trong Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần P3 cũng xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Trần Thị L1 - Giám đốc.

Tại Điều lệ Công ty P2 và Giấy đăng ký doanh nghiệp xác định Công ty P2 có đại diện theo pháp luật là bà Elizabeth L – Giám đốc, tại điểm j mục 18 điều lệ Công ty xác định quyền của Giám đốc tham gia vào tất cả các cuộc đàm phán và hợp đồng cũng như hủy bỏ và thay đổi tất cả các hợp đồng đó, đồng thời thực hiện tất cả các hành động, việc làm và những việc dưới danh nghĩa thay mặt cho Công ty khi họ cho là phù hợp hoặc liên quan đến bất kỳ vấn đề nào nêu trên hoặc vì mục đích của Công ty.

Quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của Công ty P3 khẳng định không ủy quyền cho bà P1 làm đại diện cho Công ty P3 nhắn tin, liên lạc đến đại diện của Công ty P2 để tiến hành thảo luận, thương thảo, giao kết hợp đồng. Về phía Công ty P2 cũng không có tài liệu, chứng cứ nào xác định việc Công ty P2 cử đại diện là bà M thay mặt công ty P3 hợp đồng với Công ty cổ phần P3. Mặt khác Công ty P2 thành lập tại nước ngoài, không có cơ sở đại diện hoặc chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, bà M không xuất trình được hợp đồng lao động kí kết giữa P2 với bà M nên không thể xác định bà M có là nhân viên Công ty P2 và có đại diện cho Công ty P2 tham gia giao dịch tại Việt Nam hay không.

Do vậy, có thể kết luận các tệp tin do nguyên đơn xuất trình được xác định là tin nhắn giữa các cá nhân với nhau, không phải là đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền đại diện cho Công ty P2 và Công ty cổ phần P3, giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng hình thành trên cơ sở tin nhắn giữa các cá nhân với nhau không phải là đại diện của hai Công ty nên Hợp đồng không có giá trị đối với Công ty cổ phần P3 nên không được chấp nhận.

[3.2] Hình thức của hợp đồng: Hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022 và điều khoản cũng như điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển tháng 06-2019 được lập bằng văn bản song ngữ Tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên bản Hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022 chưa dịch đầy đủ từ Tiếng Anh sang tiếng Việt, đặc biệt là phần thông tin của bên mua. Tại thông tin người đại diện theo pháp luật của bên mua trong hợp đồng thể hiện là ông Trần Văn H1, không phải là bà Trần Thị L1.

Theo quy định khoản 2 Điều 5 của hợp đồng xác định "Hợp đồng này có thể được ký bởi các bên thông qua thư điện tử, fax hoặc bất kỳ hình thức liên hệ nào miễn là bằng văn bản và thể hiện được sự đồng ý của mỗi bên chịu sự ràng buộc của hợp đồng này" và thấy tại khoản 4 Điều 5 của hợp đồng xác định "các bên ký tên dưới đây đã đọc và đồng ý chịu sự ràng buộc của hợp đồng này. Hợp đồng này được ký vào ngày được ghi đầu tiên tại đây". Tuy nhiên, xem xét tại phần cuối hợp đồng thấy chỉ có con dấu và chữ ký của Công ty P2 là được thể hiện, người ký kết hợp đồng đại diện cho Công ty P2 không phải là Giám đốc

Công ty mà là người khác, có chức danh khác. Bên phía Công ty cổ phần P3 bỏ trống không có chữ ký và không được đóng dấu công ty. Do vậy có thể khẳng định các bên vẫn chưa thực sự đàm phán với nhau về việc ký kết hợp đồng mà vẫn đang trong quá trình trao đổi thông tin.

[3.3] Quá trình trao đổi thông tin: Ngày 15-8-2022, bà M phía nguyên đơn gửi mail cho bà P1 xác nhận đơn hàng sau khi trao đổi qua Zalo. Ngày 16-8-2022 nguyên đơn gửi Email đính kèm hợp đồng và yêu cầu rõ ràng cho bị đơn "vui lòng Ký & Dấu để xác nhận hợp đồng chủ thể". Ngày 17-8-2022 bà P1 thông báo cho bà M qua E sẽ có sự thay đổi về hành trình của tàu và yêu cầu chấm dứt đơn đặt hàng nhiên liệu mà không ký tên, đóng dấu vào hợp đồng. Thực tế Hợp đồng chưa được ký kết. Vì vậy mặc dù một số điều khoản cơ bản của đơn hàng đã được thỏa thuận qua tin nhắn Zalo, nhưng toàn bộ hợp đồng vẫn chưa được bị đơn xác nhận. Bên được đề nghị giao kết hợp đồng đã có thông tin phản hồi về việc không chấp nhận giao kết hợp đồng. Do không có sự xác nhận, chấp nhận dưới hình thức ký tên, đóng dấu của bị đơn và bị đơn cũng từ chối đề nghị của nguyên đơn nên các bên không đạt được thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 391 BLDS.

Từ những phân tích trên HĐXX nhận thấy Giữa Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 chưa ký kết hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022. Do vậy, hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022 của Công ty P2 không có giá trị ràng buộc đối với Công ty cổ phần P3. Hợp đồng giữa các bên chưa được ký kết.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cung cấp các tài liệu là dẫn chứng để làm căn cứ đối chiếu, áp dụng để giải quyết vụ án tranh chấp này. HĐXX nhận thấy, đối với các hợp đồng cung cấp nhiên liệu trước đây đều bị bỏ trống phần chữ ký của phía bị đơn, các giao dịch trước đây giữa Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 là các giao dịch độc lập, đã được hoàn thành, các bên xác nhận đã tiến hành xong giao dịch, bên mua đã nhận được hàng và đã thanh toán đầy đủ, đến nay không có tranh chấp gì nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày từ trước đến giờ chưa bao giờ kí kết hợp đồng mua bán nhiên liệu nào với nguyên đơn, trong các hợp đồng mua bán nhiên liệu trước đây kể từ tháng 10-2020. Bị đơn luôn giữ im lặng và không trả lời bất cứ email nào kèm hợp đồng mua nhiên liệu đã ký bởi nguyên đơn. Do đó việc áp dụng tương tự các sự kiện pháp lý trước đây không được HĐXX xem xét.

[5]. Do hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 12-8-2022 không có giá trị ràng buộc với Công ty cổ phần P3 nên điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển cũng không có giá trị ràng buộc đối với Công ty cổ phần P3 theo quy định tại Điều 406 BLDS. Hơn nữa điều khoản, điều kiện chung này cũng không có chữ ký, con dấu của các bên nên cũng không được chấp nhận.

Ngoài các tin nhắn và hợp đồng (phô tô) do Công ty P2 cung cấp thì không có các hình thức nào khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh việc giữa

Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 có thỏa thuận mua bán hàng hóa, nhiên liệu. Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại có thể khẳng định giữa Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 không có thỏa thuận mua bán nhiên liệu.

[6]. Xét yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn: Do Hợp đồng cung cấp nhiên liệu ngày 12-8-2022 không có giá trị ràng buộc với Công ty cổ phần P3. Quá trình giải quyết vụ án bà L1 trình bày các giao dịch trước đây phía Công ty P3 nhắn tin qua Zalo hoặc email cá nhân để hỏi giá nhiên liệu Công ty P2, sau đó phía Công ty P2 báo giá qua Zalo hoặc Email của cá nhân T1.Phuanshipping@gmail.comzalo có số điện thoại 0936701679 thông qua bà M. Sau khi đặt hàng Công ty P3 sẽ điều tàu tới địa điểm đã định để nhận dầu, nếu đủ hàng theo yêu cầu và không có phát sinh tranh chấp gì thì sẽ ký vào biên bản nhận dầu. Sau khi có biên bản nhận dầu có chữ ký của thuyền trưởng thì biên bản này sẽ được gửi về cho Công ty cùng với hóa đơn của I là căn cứ để thanh toán tiền dầu. Đến hạn thanh toán là 30 ngày sau ngày cấp dầu thì Công ty sẽ thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản. Thực tế, trong vụ án này các đương sự chưa bàn giao nhiên liệu cho nhau, chưa ký các biên bản kiểm tra hàng, nhận hàng nên cũng không có căn cứ để xác định được giá trị thiệt hại mà I phải chịu do Công ty P3 từ chối nhận hàng.

Xét hóa đơn I đã thanh toán tiền phí hủy đơn hàng cho Công ty E3 số INV 1026/22. HĐXX nhận thấy E1 là Công ty thứ 3 theo trình bày của đại diện nguyên đơn là nhà cung cấp dầu cho I theo đặt hàng của Công ty cổ phần P3. Tuy nhiên, Công ty P3 xác định không biết Công ty E3 là ai, cũng chưa từng làm việc với E1. Hơn nữa Công ty E3 theo trình bày của nguyên đơn là Công ty của nước ngoài nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam đã quy định: "1. Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài lập, cấp, xác nhận trong các trường hợp sau: a) Giấy tờ, tài liệu và bản dịch tiếng Việt có công chứng, chứng thực đã được hợp pháp hoá lãnh sự"… Do đó hóa đơn số INV 1026/22 của Công ty E3 do I xuất trình không có giá trị chứng minh cho thiệt hại thực tế mà I phải chịu để buộc Công ty cổ phần P3 thanh toán cho mình. Do thiệt hại thực tế không xảy ra, Hợp đồng mua bán nhiên liệu không được chấp nhận nên các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường không được chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty P2 và Công ty cổ phần P3 không giao kết hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và điều khoản, điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển phiên bản tháng 6 năm 2019, Công ty cổ phần P3 cũng không gây thiệt hại cho Công ty P2 do việc không thực hiện hợp đồng mua bán nhiên liệu gây ra, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P2 về việc yêu cầu Công ty cổ phần P3 bồi thường thiệt hại cho Công ty P2.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P2 không được chấp nhận nên Công ty P2 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 37, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 391, Điều 406 BLDS, khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại, Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6 Luật Trọng tài thương mại; khoản 1 và khoản 4 Điều 4 của Điều lệ Công ty cổ phần P3; điểm j mục 18 điều lệ Công ty P2; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P2 đối với yêu cầu buộc Công ty cổ phần P3 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là **10.000 USD (*Mười ngàn đô la Mỹ),*** tương đương **239.900.000 VND *(Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng)*** (1 USD = 23.990 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng V1 vào ngày 14 tháng 08 năm 2023).

Cụ thể: Buộc Công ty cổ phần P3 phải có trách nhiệm bồi thường cho P2 **3.888 USD** *(Ba ngàn tám trăm tám mươi tám Đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

Buộc Công ty cổ phần P3 phải có trách nhiệm bồi thường cho P2 **3.840 USD** *(Ba ngàn tám trăm bốn mươi Đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi đơn phương hủy bỏ Đơn Hàng và Hợp Đồng Cung Cấp Nhiên Liệu Tàu Biển của P.

Buộc Công ty cổ phần P3 phải có trách nhiệm bồi thường cho I **2.272 USD** *(Hai ngàn hai trăm bảy mươi hai Đô la Mỹ)* là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Phú A gây ra.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty P2 phải nộp là 11.995.000 đồng (Mười một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty P2 đã nộp là 5.000.000đ tại biên lai số 0004340 ngày 26-10-2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Công ty P2 còn phải nộp 6.995.000 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)